

B – GIỚI THIỆU CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 10

VỀ PHẦN VĂN

I – MỤC TIÊU

Ngoài mục tiêu chung của chương trình Ngữ văn lớp 10, phần Văn nhằm những mục tiêu cụ thể như sau :

1. Bồi dưỡng, nâng cao *năng lực đọc* cho HS. Năng lực đọc bao gồm năng lực cảm nhận, lí giải, thưởng thức, ghi nhớ những vấn đề đặt ra từ văn bản, trong đó năng lực lí giải là rất quan trọng. Bồi dưỡng nâng cao năng lực đọc nhằm giúp HS

biết cách đọc đúng, hiểu đúng, để tích lũy kiến thức, để lí giải, đánh giá và đọc sáng tạo. Chú ý năng lực đọc thẩm mĩ, biết phát hiện và rung động trước vẻ đẹp của tác phẩm văn học. Năng lực đọc cần cho HS trong khi học ở nhà trường cũng như trong cả cuộc đời.

2. Cung cấp một hệ thống tri thức phổ thông về văn học dân tộc và văn học thế giới, bao gồm tác phẩm, tác giả, thể loại văn học, văn học sử, lí luận văn học. Phần Văn lớp 10 sẽ cung cấp cho HS những tri thức cơ bản, nền tảng về văn học dân gian, văn học trung đại Việt Nam, những thành tựu tiêu biểu của văn học cổ đại Hi Lạp, Ấn Độ, văn học trung đại Trung Quốc, Nhật Bản.

3. Quá trình đọc văn bản góp phần quan trọng *bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm cho HS*. Từ những văn bản đọc, HS được giáo dục và tự giáo dục lòng yêu nước, tinh thần nhân văn, lí tưởng sống cao đẹp, thị hiếu thẩm mĩ tốt, có phẩm chất văn hoá cá nhân, có cá tính lành mạnh, từng bước hình thành nhân cách người lao động mới.

4. *Rèn luyện kĩ năng cho HS*. Trong bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết thì kĩ năng đọc là hoạt động cơ bản, thường xuyên, giúp con người nắm bắt thông tin nhanh, chính xác, biết lựa chọn và xử lí thông tin. Qua những văn bản văn học mẫu mực về nhiều thể loại, HS rèn luyện kĩ năng diễn đạt mạch lạc, có hệ thống, rèn luyện kĩ năng suy lí, biết cách lập luận làm sáng tỏ vấn đề. HS biết vận dụng những tri thức văn học để giải quyết các vấn đề đặt ra trong đời sống cá nhân và xã hội.

II – CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG

1. Cấu trúc

a) Phần Văn học trong SGK *Ngữ văn 10* theo Chương trình chuẩn gồm hai bộ phận : *Văn học Việt Nam* và *Văn học nước ngoài*. Số tiết dành cho Văn học Việt Nam chiếm một thời lượng lớn (59 tiết). Phần Văn học nước ngoài chọn lọc những tác phẩm tiêu biểu, những tinh hoa văn học thế giới (10 tiết). Chương trình dành 4 tiết *lí luận văn học* để trang bị cho HS những kiến thức mang tính lí luận về văn bản văn học.

b) Các văn bản văn học được *sắp xếp theo thể loại và các thời kì văn học lớn*. Trước hết là văn học dân gian, sau đó là văn học viết từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX. Mười thế kỉ văn học viết được chia thành bốn giai đoạn : từ thế kỉ X đến thế kỉ XIV, từ thế kỉ XV đến hết thế kỉ XVII, từ thế kỉ XVIII đến nửa đầu thế kỉ XIX và nửa cuối thế kỉ XIX. Cách chia này phản ánh đúng sự phát triển nội tại của văn học trung đại Việt Nam. Hơn nữa cách chia này hiện đang được áp dụng trong chương trình Văn học ở các trường Đại học và Cao đẳng Sư phạm.

Dan xen giữa các giai đoạn văn học trung đại Việt Nam là phần Văn học nước ngoài.

Việc sắp xếp văn bản tác phẩm văn học theo thể loại và các giai đoạn văn học cụ thể như sau :

– *Văn học dân gian* được sắp xếp theo thể loại, từ tự sự dân gian (*sử thi, truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện thơ*) đến trữ tình dân gian (*ca dao, dân ca*).

– *Văn học trung đại Việt Nam* được sắp xếp theo bốn giai đoạn, các văn bản tác phẩm được sắp xếp theo thể loại. Các giai đoạn văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XVII có : *thơ, phú, nghị luận, sử kí và truyện*. Các giai đoạn văn học từ thế kỉ XVIII đến hết thế kỉ XIX có : *thơ, ngâm khúc, truyện thơ*.

– *Văn học nước ngoài* được sắp xếp theo tiến trình lịch sử, lưu ý tới tính khu vực và những thành tựu nghệ thuật tiêu biểu : sử thi (Hi Lạp, Ấn Độ), thơ Đường, thơ hai-cư (Nhật Bản), tiểu thuyết Minh – Thanh (Trung Quốc).

Cách sắp xếp nói trên một mặt theo truyền thống (dựa vào tiến trình văn học), mặt khác có điểm mới theo thể loại. Việc sắp xếp này làm nổi bật vai trò của thể loại, đồng thời phù hợp với việc dạy và học văn theo đặc trưng thể loại, thuận lợi cho HS học làm văn, nhất là văn nghị luận.

c) Chương trình Ngữ văn THPT hướng chủ yếu vào đọc văn chứ không phải văn học sử, tri thức văn học sử chủ yếu chỉ giúp cho đọc văn có căn cứ về ngữ cảnh lịch sử. Tuy nhiên, Chương trình không xem nhẹ tri thức văn học sử. Cùng với bài *Tổng quan văn học Việt Nam* có bài *Khái quát văn học dân gian Việt Nam* và *Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX*. Tác giả lớn, tiêu biểu như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du được giảng sâu hơn. Các tác giả khác được giới thiệu khái quát ở phần *Tiểu dẫn* trước phần *Văn bản*.

d) Ngoài *văn bản học chính*, Chương trình còn có những *văn bản đọc thêm*. Tất cả những văn bản đọc thêm thường được đặt sau cụm thể loại. Đây là phần HS tự học có hướng dẫn của GV. Bài đọc thêm cũng là nội dung kiến thức cần trong kiểm tra và thi cử. Ở một số bài, sau phần học chính có đưa vào văn bản đọc thêm để HS so sánh, mở rộng kiến thức.

e) Nhìn chung, cấu trúc bài học được sắp xếp theo trình tự :

– *Kết quả cần đạt* : nêu những yêu cầu chủ yếu nhất của bài học về nội dung kiến thức, rèn luyện kĩ năng, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm.

– *Tiểu dẫn* : tùy theo từng bài mà tiểu dẫn về thể loại, tác giả, tác phẩm. Phần *Tiểu dẫn* cung cấp những tri thức đọc – hiểu cho HS.

– *Văn bản* : cung cấp văn bản đọc, chú thích.

– *Hướng dẫn học bài* : gồm hệ thống những câu hỏi mang tính chất hướng dẫn HS cách đọc – hiểu văn bản ; phân tích những vấn đề về nội dung, nghệ thuật của văn bản, từ đó có năng lực sáng tạo, biết vận dụng những tri thức đã học vào cuộc sống.

– *Ghi nhớ*: chốt lại một số điểm cơ bản nhất của bài học mà HS cần ghi nhớ.

– *Luyện tập* : gồm một số câu hỏi, bài tập nhằm ôn luyện hoặc mở rộng, nâng cao kiến thức.

2. Nội dung

a) SGK phần Văn cung cấp những *kiến thức cơ bản về văn bản văn học, về đặc trưng thể loại văn học tiêu biểu*. Kế thừa phần lớn văn bản văn học Việt Nam và văn học nước ngoài của chương trình văn học trước đây, SGK lần này có một số điểm mới cần lưu ý :

– *Phần văn học dân gian*, ngoài truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, có đưa truyện thơ các dân tộc thiểu số vào phần *Đọc thêm* để tạo nên sự toàn diện, cân đối giữa văn học người Việt (Kinh) và văn học các dân tộc anh em, bên cạnh ca dao trữ tình còn có ca dao hài hước.

– *Phần văn học trung đại* thêm một số lượng đáng kể văn bản nghị luận và một số loại văn bản khác như sử kí, tựa, văn bia,... vừa phù hợp với quan niệm về văn học thời trung đại, vừa mở rộng diện đọc cho HS và tăng thêm tri thức về văn hiến Việt Nam.

– *Phần văn học nước ngoài* đưa thêm thơ hai-cư (Nhật Bản).

b) Tính chất các văn bản được lựa chọn :

– Các văn bản được lựa chọn phù hợp với quan niệm văn học thời trung đại, chẳng hạn quan niệm văn sử triết bất phân, quan niệm coi trọng chức năng tư tưởng, chức năng thực hành xã hội.

– Văn bản vừa là tinh hoa nghệ thuật, mang tính chất tiêu biểu, vừa phản ánh được sự phong phú, đa dạng, toàn diện của văn học Việt Nam và văn học thế giới.

– Văn bản không những bồi dưỡng kiến thức về văn học mà còn thiết dụng trong đời sống. Văn bản là dữ liệu quan trọng để các phần Tiếng Việt, Làm văn có thể khai thác, vận dụng bồi dưỡng kiến thức và rèn luyện kĩ năng cho HS.

c) Phần *Hướng dẫn học bài* giữ vị trí trung tâm.

Phần này gồm hệ thống câu hỏi hướng dẫn HS trong quá trình đọc – hiểu, giúp HS phát hiện đúng, đầy đủ, sâu sắc những giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản.

Điểm khác và cũng là điểm mới của hệ thống câu hỏi trong SGK lần này là hạn chế tới mức tối đa loại câu hỏi tái hiện một nội dung mà người soạn đã định sẵn. Hệ thống câu hỏi lần này giúp HS tự phát hiện, phát huy những suy nghĩ cá nhân. Các *câu hỏi trắc nghiệm* được kết hợp với những *câu hỏi tự luận*. HS không chỉ đơn thuần lựa chọn phương án trả lời mà còn phải giải thích cơ sở khoa học của sự lựa chọn.

III – PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

1. Khâu đọc và thực hành làm văn là hai trục tích hợp chủ yếu của chương trình. Vì vậy GV cần đổi mới cơ bản khái niệm "môn Ngữ văn" và phương pháp dạy học Ngữ văn.

Đọc là một hoạt động tự chiếm lĩnh văn bản của HS, thể hiện được tư tưởng coi HS là trung tâm, khác *giảng văn* chủ yếu nói lên hoạt động của người thầy, thầy là trung tâm.

2. Đi vào từng bài cụ thể, GV cần ý thức rõ công việc theo các bước :

a) Xác định những nội dung cơ bản của phần *Kết quả cần đạt* để có hướng đọc – hiểu, phân tích văn bản, định hướng dạy học.

b) Không chỉ cho HS đọc *Tiểu dẫn* mà còn hướng dẫn HS nắm được những tri thức đọc ở phần *Tiểu dẫn*.

c) HS đọc văn bản theo hệ thống câu hỏi từ dễ đến khó, từ những phát hiện cụ thể về từ ngữ, câu, hình ảnh, biểu tượng, kết cấu,... đến những khái quát tổng hợp về nội dung và nghệ thuật.

GV không nên áp đặt kết luận trước rồi bắt HS tìm dẫn chứng sau.

Những câu hỏi trắc nghiệm cần được kết hợp với câu hỏi tự luận, nhằm phát triển tư duy phân tích, tư duy lí luận ở HS. GV có thể gợi ý cho HS những cách hiểu khác nhau để HS biện luận, tự mình rút ra cách hiểu phù hợp với sự biểu đạt của văn bản.

d) Những kiến thức trọng tâm cơ bản được cô đọng lại ở phần *Ghi nhớ*. Tuy nhiên, GV không nên yêu cầu HS học thuộc lòng *Ghi nhớ* một cách máy móc, thụ động. Phải cho HS ghi nhớ trên cơ sở các em hiểu bài, nắm được trọng tâm cơ bản của bài.

e) Phần *Luyện tập* cần được vận dụng linh hoạt, tùy theo từng bài, từng đối tượng HS và thực tế dạy học : hoặc củng cố kiến thức, hoặc so sánh, mở rộng nâng cao kiến thức, vừa bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, vừa rèn luyện kĩ năng,...

g) Trong khâu kiểm tra, đánh giá, GV cần chú ý *nguyên tắc toàn diện, phát huy được năng lực sáng tạo của HS*, khắc phục lối đánh giá phiến diện chỉ bằng một bài văn tự luận đóng khung trong một số tác phẩm đã học, dễ làm cho HS học tủ, sao chép. GV xem xét bài làm của HS cả về ý lẫn diễn đạt, cả cảm xúc và tư duy, cả tri thức và kĩ năng, đặc biệt là phần suy nghĩ độc lập, sáng tạo, có màu sắc cá nhân của HS.

3. Trong quá trình dạy học, GV cần chú ý kết hợp cả ba phần Văn, Tiếng Việt và Làm văn ; qua hướng dẫn HS đọc – hiểu văn bản mà cung cấp cho các em cả tri thức và kĩ năng về Văn, Tiếng Việt và Làm văn.